

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK giảm điểm sau khi Standard Chartered dự báo lạm phát của Việt Nam năm nay đạt 4.2%, năm 2023 ở mức 5.5%

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm, tương đồng với diễn biến giảm mạnh cuối phiên của thị trường cơ sở

## [Thông tin doanh nghiệp]

SSI, PTB

## [Cập nhật công ty]

PC1

## [Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị có thể gia tăng vị thế tại vùng hỗ trợ đã đề cập đối với các cổ phiếu mục tiêu nhưng cần khống chế tỷ trọng ở mức vừa phải, tương ứng với mức độ chấp nhận rủi ro

19/04/2022

	Chi số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,406.45	-1.83
VN30	1,440.61	-1.88
HĐTL VN30F1M	1,454.10	-1.29
HNXIndex	392.69	-2.59
HNX30	705.56	-2.07
UPCoM	108.32	-1.71
USD/VND	22,927	+0.03
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.02	+0
Lãi suất qua đêm (%)	2.04	+2
Dầu (WTI, \$)	107.20	-0.93
Vàng (LME, \$)	1,978.78	-0.01

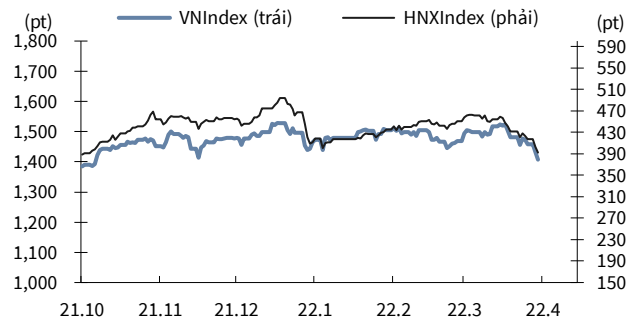


# Điểm nhấn thị trường

<b>VNIndex</b>	<b>1,406.45 (-1.83%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>702.4 (-6.8%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>988.2 (-13.1%)</b>
<b>HNXIndex</b>	<b>392.69 (-2.59%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>93.4 (-9.7%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>91.8 (-13.3%)</b>
<b>UPCoM</b>	<b>108.32 (-1.71%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>60.0 (-9.1%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>48.0 (-12.5%)</b>
<b>NĐTNN mua ròng (triệu US\$)</b>	<b>+12.0</b>

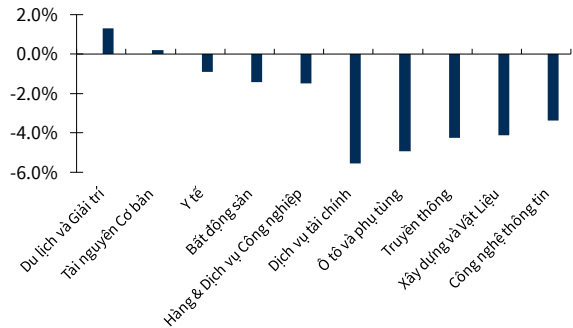
TTCK giảm điểm sau khi Standard Chartered dự báo lạm phát của Việt Nam năm nay đạt 4.2%, năm 2023 ở mức 5.5%. Vinacam nhận định rằng nguồn cung DAP từ các nhà sản xuất nội địa lại càng eo hẹp hơn khi vấn đề nguồn nguyên liệu chưa được giải quyết triệt để, khiến giá phân đạm tăng mạnh, cổ phiếu ngành phân đạm tăng ở DGC (+4%), DPM (+4.3%). Bộ Xây dựng dự báo vật liệu xây dựng sẽ tăng giá trong thời gian tới khiến giá nhà ở, công trình xây dựng tăng, cổ phiếu nhóm xây dựng giảm ở HBC (-6.9%), VCG (-6.9%). Hiệp hội các nước sản xuất cao su tự nhiên (ANRPC) nhận định nguồn cung thế giới đang bị ảnh hưởng bởi thời tiết cực đoan và thiếu nhân công cùng với việc Trung Quốc đang phong tỏa nhiều thành phố, gây cản trở lớn đến tình hình vận chuyển hàng hóa tới các cảng biển khiến giá cao su tăng mạnh, cổ phiếu ngành cao su tăng ở CSM (+1%). Khối ngoại mua ròng ở DPM (+4.1%), GEX (-6.5%), KBC (-4%).

**VNIndex & HNXIndex**



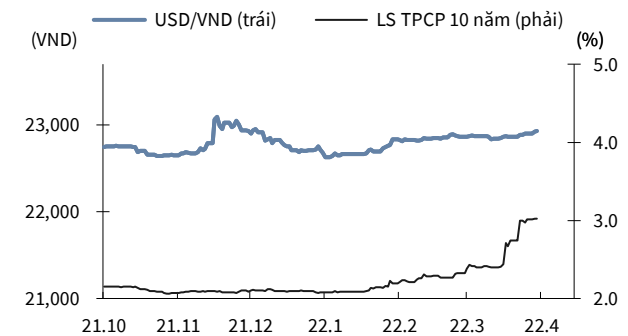
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**Biến động nhóm ngành**



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm**



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng**



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

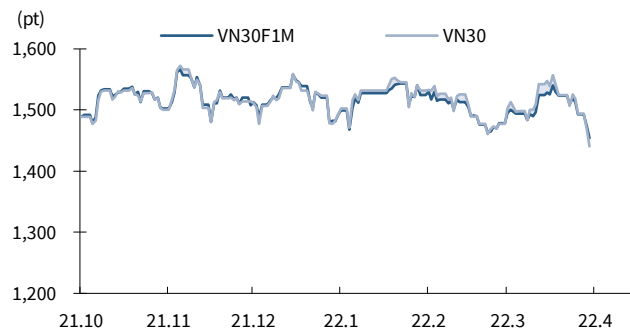
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,440.61 (-1.88%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,454.1 (-1.29%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,476.3</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,484.5</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,448.0</b>

Các HĐTL giảm điểm, tương đồng với diễn biến giảm mạnh cuối phiên của thị trường cơ sở. Chênh lệch F2204 và chỉ số VN30 biến động giằng co ở mức dương quanh 6.74 điểm và bật tăng mạnh trong phiên ATC lên mức cao nhất tại 13.49 điểm. Khối ngoại bán ròng trong phiên hôm nay với thanh khoản thị trường đi ngang.

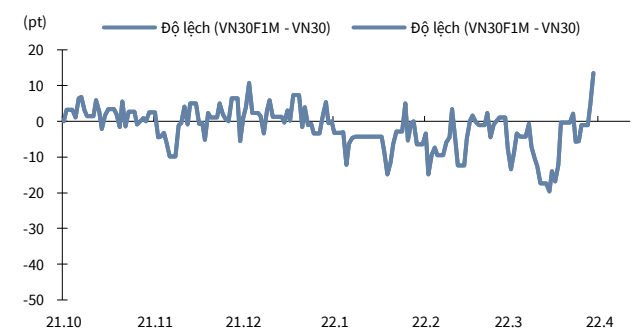
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>203,831 (+2.6%)</b>
------------------	------------------------

**HĐTL VN30F1M & VN30**



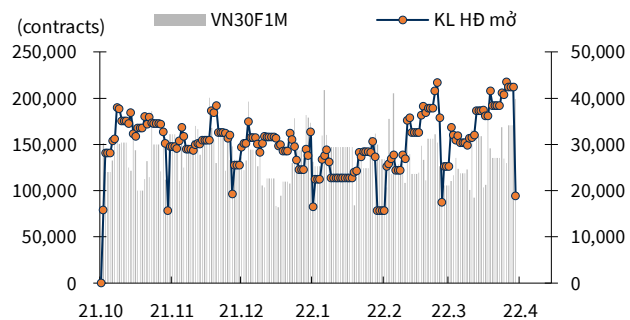
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30**



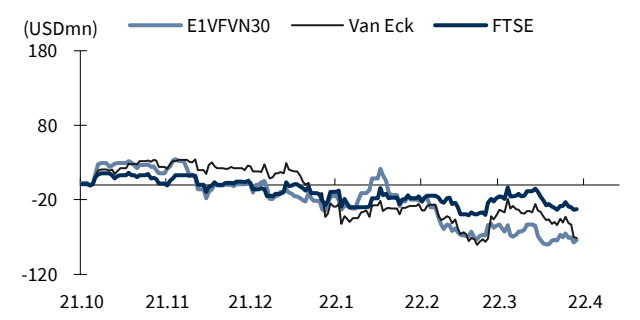
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở**



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

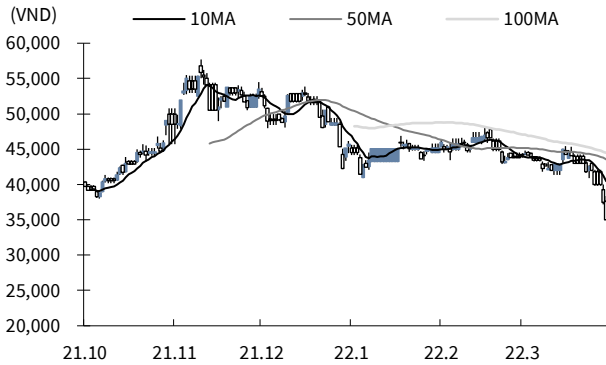
**Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn**



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

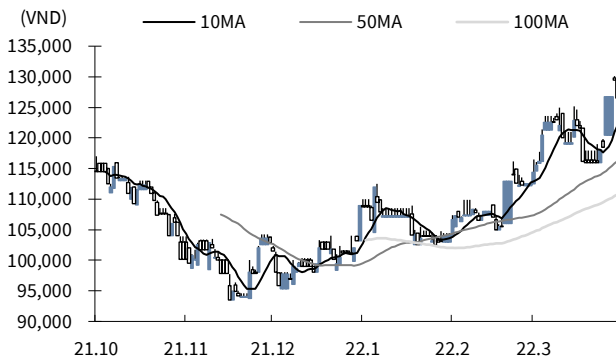
## CTCP Chứng khoán SSI (SSI)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- SSI giảm 6.7% xuống 35,000 VND/cp
- SSI trình phương án chào bán 104 triệu cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược và/hoặc nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. Giá chào bán không thấp hơn 90% giá đóng bình quân của 10 ngày giao dịch liên tiếp trước ngày HĐQT quyết định phê duyệt phương án phát hành chi tiết. Sau phát hành, vốn điều lệ dự kiến tăng từ 14.921 tỷ đồng lên 15.962 tỷ đồng.

## Phú Tài (PTB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PTB giảm 2.3% xuống 126,500 VND/cp
- Phú Tài công bố kết quả kinh doanh hợp nhất quý I với doanh thu 1,735 tỷ đồng tăng 23% YoY, lợi nhuận trước thuế 180.5 tỷ đồng tăng 43% và hoàn thành 24% và 23% kế hoạch năm.
- Bước sang quý II, công ty đặt kế hoạch doanh thu hợp nhất đạt 1,977 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 213 tỷ đồng. Lũy kế 6 tháng đầu năm, doanh thu dự kiến tăng 21% lên 3,713 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế tăng 38% so với cùng kỳ năm trước lên 393 tỷ đồng.

# Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1

## Cập nhật ĐHCĐ năm tài chính 2021

Chúng tôi đã tham gia Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của PC1 và ghi nhận một số thông tin chính về KQKD sơ bộ quý 1/2022 cũng như triển vọng, kế hoạch của công ty trong tương lai.

### Tổng kết năm 2021, doanh thu và LNST hợp nhất tăng trưởng 46.9% và 40.4% YoY

— Lũy kế cả năm 2021, doanh thu của PC1 đạt 9.81 nghìn tỷ VND (+46.9% YoY), trong đó mảng xây lắp điện đóng góp doanh thu 6.71 nghìn tỷ VND (+119.4% YoY), chiếm 68.4% doanh thu 2021 của PC1. Lợi nhuận sau thuế đạt 764.1 tỷ VND (+40.4% YoY). Tốc độ tăng trưởng doanh thu cao hơn lợi nhuận sau thuế do biên lợi nhuận gộp của PC1 giảm 5.73 điểm % so với năm 2020, chủ yếu do sự đóng góp nhiều hơn của mảng có biên lợi nhuận gộp thấp là tổng thầu EPC cũng như ảnh hưởng từ giá nguyên vật liệu và điều kiện thủy văn không thuận lợi trong nửa đầu năm 2021. Tổng kết lại, doanh thu và LNST của PC1 đã vượt kế hoạch, đạt lần lượt 123% và 150% so với kế hoạch đề ra năm 2021.

### Kết quả kinh doanh Quý 1/2022 tăng trưởng tích cực nhờ mảng thủy điện và tổng thầu EPC

- Ban lãnh đạo PC1 đặt kế hoạch năm 2022 cho doanh thu và LNST lần lượt là 11,003 tỷ VND (+12.1% YoY) và 657 tỷ VND (-14.0% YoY). Lý giải cho sự trái ngược giữa tăng trưởng doanh thu và LNST, chủ tịch HĐQT cho biết năm 2022 PC1 sẽ phải chịu khoản lãi vay năm đầu sau khi phát hành trái phiếu và phục vụ phân bổ vốn đầu tư dẫn đến việc giảm LNST. Ban lãnh đạo cũng ước tính rằng nếu không có sự xuất hiện của 2 khoản mục này thì LNST năm 2022 sẽ đạt từ 870-900 tỷ VND (+13.9-17.8% YoY).
- Về kế quả kinh doanh Quý 1/2022, Ban lãnh đạo cho biết công ty đã hoàn thành 20% kế hoạch năm với doanh thu và 23% với LNST, tương ứng doanh thu và LNST là 2,200 tỷ VND (+42.1% YoY) và 151.1 tỷ VND (+89.1% YoY). Điều này được giải thích nhờ vào đóng góp từ cụm điện gió tại Quảng Trị đã vận hành ổn định cũng như lượng backlog lớn PC1 đã kí, ước tính backlog cuối Quý 1/2022 đạt hơn 6,000 tỷ VND. Chúng tôi cũng lưu ý rằng, quý 1 thường là giai đoạn thấp điểm của mảng xây lắp do quá trình thi công, nghiệm thu và quyết toán công trình thường rơi vào Quý 3 và Quý 4 hàng năm. Theo chúng tôi, đây là một kết quả tốt hơn dự tính và là rủi ro tăng giá với cổ phiếu PC1, dù cần xem xét thêm.

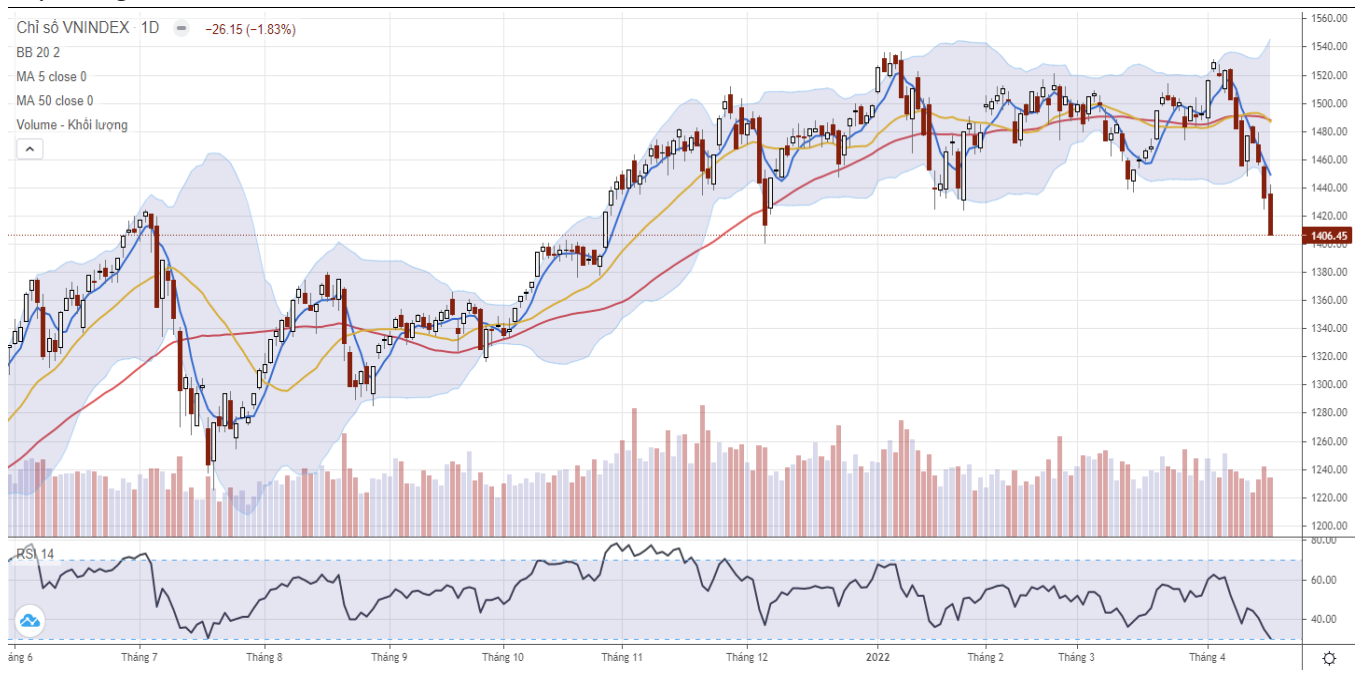
### Mảng KCN vẫn sẽ được tiến hành đúng như kế hoạch

- Theo chia sẻ từ Ban lãnh đạo, KCN Yên Phong II-A do Western Pacific (công ty PC1 góp 30% vốn) sở hữu đã thực hiện những gói thầu đầu tiên sau khi hoàn thành giải phóng mặt bằng và hoàn thiện thủ tục pháp lý, KCN này cũng đã có những nhà đầu tư đặt chỗ trước, đảm bảo tiềm năng về tăng trưởng cho KCN này. Ban lãnh đạo cũng cho biết thêm IRR khi đầu tư vào mảng KCN đạt 25-30% với biên lợi nhuận ròng đạt 35-40% trong giai đoạn cao điểm 2023-2026. Dự kiến lợi nhuận PC1 nhận được từ Western Pacific sẽ đạt mức 300-330 tỷ/năm. Ban lãnh đạo cũng đưa ra kế hoạch sở hữu 2,000 ha đất KCN từ nay cho tới năm 2030.

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

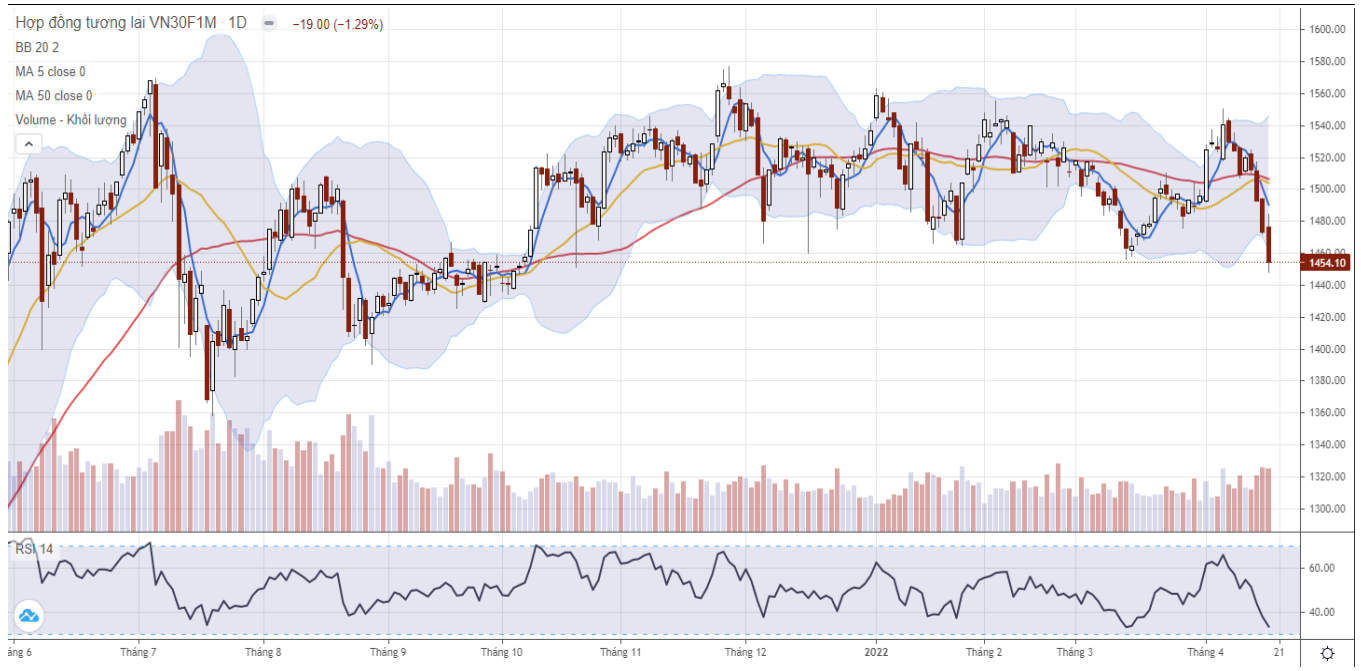
- VNIndex tăng điểm nhẹ trong phiên trước khi suy yếu và lao dốc mạnh về cuối phiên.
- Thanh khoản gia tăng trong các nhịp sụt giảm phá đáy cho thấy rủi ro tiếp tục mở rộng nhịp điều chỉnh trong phiên kế tiếp vẫn đang có phần lấn át. Mặc dù vậy, VNIndex hiện đang lùi về điểm đỡ quan trọng tại quanh 1390 (+5) và chúng tôi kỳ vọng chỉ số sẽ xuất hiện một nhịp hồi phục tại đây.
- NĐT được khuyến nghị có thể gia tăng vị thế tại vùng hỗ trợ đã đề cập đối với các cổ phiếu mục tiêu nhưng cần khống chế tỷ trọng ở mức vừa phải, tương ứng với mức độ chấp nhận rủi ro.



## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

**Kháng cự xa:** 1471 - 1474

**Kháng cự gần:** 1460 - 1463

**Hỗ trợ gần:** 1445 - 1449

**Hỗ trợ xa:** 1436 - 1440

— F1 tăng điểm nhẹ trong phiên trước khi suy yếu và lao dốc mạnh về cuối phiên.

— Thanh khoản gia tăng trong các nhịp sụt giảm phá đáy cho thấy rủi ro tiếp tục mở rộng nhịp điều chỉnh trong phiên kế tiếp vẫn đang có phần lấn át. Mặc dù vậy, F1 hiện đang lùi về điểm đỡ quan trọng tại quanh 1440 (+5) và chúng tôi kỳ vọng chỉ số sẽ xuất hiện một nhịp hồi phục tại đây.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở LONG khi chỉ số lùi về các vùng hỗ trợ.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Mở 1 phần trạng thái LONG tại các vùng hỗ trợ nhưng đặt ngưỡng dừng lỗ chặt.

*Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.*

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

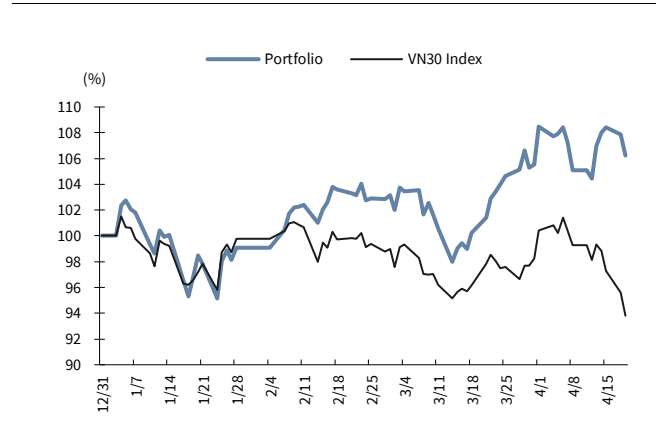
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-1.88%	-1.53%
Tăng lũy kế (YTD)	-6.19%	6.22%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 19/04/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	156,000	-2.6%	101.9%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Dam Phu My (DPM)	04/03/2022	75,100	4.3%	24.5%	- Giá phân bón tiếp tục duy trì ở mức cao với nguồn cung hạn chế, trong khi nhu cầu trong nước phục hồi - Tình hình tài chính lành mạnh, ROE cao nhất ngành, đòn bẩy thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	118,900	-3.7%	55.1%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	205,000	-0.5%	6.8%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	84,600	-4.5%	148.8%	- Màng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	112,000	-3.0%	284.7%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Màng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	28,750	-1.5%	52.1%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	113,900	-1.2%	55.2%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	43,300	1.5%	199.1%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbạc City Development (KBC)	09/03/2020	45,600	-4.0%	232.8%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duê cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
DPM	4.3%	11.5%	93.6
GEX	-6.5%	8.9%	85.3
KBC	-4.0%	18.5%	61.1
DCM	2.3%	6.7%	51.4
NLG	-0.4%	32.0%	43.3

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
DGC	4.0%	14.2%	-153.9
SSI	-6.7%	37.6%	-100.7
HPG	1.5%	21.8%	-98.4
VND	-6.8%	17.6%	-46.4
MSN	-2.8%	28.5%	-44.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
TVD	0.0%	2.6%	1.8
TA9	-0.6%	9.3%	0.7
IDC	-1.1%	1.4%	0.4
PPY	0.0%	0.3%	0.3
CTC	-6.4%	1.1%	0.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHS	-5.4%	8.5%	-1.8
DST	-9.4%	0.6%	-1.8
PVS	0.0%	8.5%	-1.0
NVB	-1.6%	8.0%	-0.9
THD	-1.8%	1.5%	-0.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	8.1%	GVR, DGC
Bảo hiểm	8.1%	BVH, BIC
Hàng cá nhân & Gia dụng	5.5%	PNJ, STK
Bán lẻ	4.7%	MWG, DGW
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.4%	GAS, BWE

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	-12.0%	SSI, VND
Xây dựng và Vật Liệu	-8.6%	VCG, VGC
Ô tô và phụ tùng	-8.1%	TCH, HHS
Ngân hàng	-6.7%	VCB, TCB
Dầu khí	-5.6%	PLX, PVD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	14.9%	MWG, DGW
Công nghệ thông tin	12.5%	FPT, CMG
Hàng cá nhân & Gia dụng	10.0%	PNJ, MSH
Bảo hiểm	8.8%	BVH, MIG
Hóa chất	4.1%	DGC, DPM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	-16.3%	SSI, VCI
Truyền thông	-14.6%	YEG, ADG
Xây dựng và Vật Liệu	-14.5%	VCG, ROS
Ô tô và phụ tùng	-14.1%	TCH, HHS
Dầu khí	-12.1%	PLX, PVD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDm)	GTGD (VNDtrệu, USDm)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	230,695 (10.1)	22.5	72.3	38.7	14.7	4.4	8.4	3.0	2.7	-0.9	-3.1	0.0	-17.1
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	290,958 (12.7)	26.6	8.4	7.2	35.9	24.6	22.7	1.9	1.5	-1.3	-5.6	-7.6	-16.0
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	123,218 (5.4)	17.8	27.7	17.9	-7.6	9.0	11.6	2.1	2.0	-1.6	-0.8	-6.5	2.5
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	457,061 (20.0)	31.3	28.5	18.6	6.7	15.2	18.7	3.8	3.1	-0.2	-3.5	6.4	-9.9
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	62,766 (2.7)	11.6	22.8	18.3	13.7	13.7	14.4	2.6	2.3	1.6	0.0	-1.8	-1.8
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	557,940 (24.4)	13.9	14.8	7.7	-	15.0	12.4	1.7	2.1	-6.5	-3.8	14.6	2.3
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	76,087 (3.3)	6.3	14.1	11.4	11.7	20.1	21.4	2.6	2.2	0.0	-5.7	-7.7	-1.4
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	105,744 (4.6)	12.7	14.3	10.3	-5.3	17.2	20.2	2.0	1.6	0.0	-6.2	13.6	2.3
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	343,259 (15.0)	0.0	7.1	5.8	14.3	21.0	20.6	1.4	1.1	-2.6	-9.0	11.2	-12.6
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	171,618 (7.5)	1.4	7.0	5.9	50.3	20.1	20.9	1.2	1.1	-1.5	-7.3	12.3	-15.2
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	776,038 (33.9)	0.0	10.8	8.7	18.8	16.2	16.9	1.7	1.4	-2.3	-8.2	-1.2	0.0
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	440,463 (19.3)	0.0	7.2	5.8	14.6	24.1	23.4	1.5	1.2	-3.3	-9.1	-8.7	1.4
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	106,777 (4.7)	4.2	7.2	5.9	23.3	21.8	21.1	-	-	-0.4	-6.8	-6.2	-16.0
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	432,391 (18.9)	14.0	11.9	7.0	26.5	13.9	17.8	1.3	1.1	-5.2	10.7	16.9	-12.7
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	188,191 (8.2)	0.0	8.5	6.9	37.4	23.0	22.6	1.8	1.4	-4.5	-4.9	-8.4	-11.8
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	19,354 (0.8)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	-0.9	-7.2	12.9	-7.0
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	120,059 (5.2)	21.0	22.1	18.9	15.8	10.2	11.1	2.1	2.0	-1.6	9.5	17.1	17.3
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	35,885 (1.6)	14.2	37.1	16.8	9.1	11.6	13.5	4.1	1.9	-4.0	-0.3	-3.5	-11.7
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	349,015 (15.3)	55.4	15.6	14.7	-3.2	15.2	15.2	-	-	-6.7	16.3	20.1	-32.4
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	127,590 (5.6)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	-3.2	15.7	23.1	-38.2
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	120,615 (5.3)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	-7.0	17.6	24.6	-41.5
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	432,011 (18.9)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	-6.8	-9.1	-6.1	-9.8
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	241,671 (10.6)	42.1	15.9	14.7	4.0	30.9	32.9	4.6	4.3	-1.3	-1.0	0.0	-12.0
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	31,181 (1.4)	36.9	25.3	20.9	7.3	19.6	21.4	4.6	4.1	-0.6	3.4	11.5	11.9
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	134,439 (5.9)	16.5	31.0	22.3	-51.9	17.9	22.6	5.4	4.4	-2.8	-3.9	5.8	-15.4
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	124,068 (5.4)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-6.9	12.5	18.5	-34.3
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	108,359 (4.7)	11.0	124.5	25.0	-88.5	6.8	19.8	-	-	3.5	3.7	-3.4	11.5
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	181,432 (7.9)	10.8	23.4	20.5	-57.0	12.2	13.6	2.6	2.5	2.5	10.4	6.7	21.6
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	262,606 (11.5)	38.4	9.2	12.0	65.7	14.1	9.3	1.2	1.2	-6.9	-8.2	15.2	-43.6
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	130,424 (5.7)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-6.9	17.6	49.8	-68.1
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	662,300 (29.0)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	-6.4	12.1	22.7	-26.8
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	103,318 (4.5)	3.6	14.0	10.4	-52.4	4.2	5.4	0.6	0.6	1.7	17.4	24.0	-39.6
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	80,471 (3.5)	0.0	13.3	11.0	-4.5	13.8	14.4	1.8	1.6	-3.4	7.0	17.8	22.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDm)	GTGD (VNDtriệu, USDm)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	75,763 (3.3)	46.1	18.8	17.4	-17.5	20.4	19.5	3.8	3.6	-1.2	4.6	4.6	18.4	
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	26,705 (1.2)	31.4	13.0	10.5	-10.5	14.3	15.8	1.6	1.5	-2.0	5.7	6.8	-7.6	
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,971 (0.1)	34.1	14.5	9.0	-5.1	10.1	17.3	1.3	1.2	-1.5	-6.5	-8.5	-16.8	
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	786,821 (34.4)	18.0	6.7	6.4	21.9	29.9	23.1	1.6	1.3	1.5	-4.0	-6.9	-6.7	
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (286)	460,541 (20.1)	36.5	7.9	16.4	-0.5	31.6	15.2	2.9	3.8	4.3	15.2	20.2	50.2	
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	336,331 (14.7)	46.5	9.7	14.2	-4.5	29.9	17.6	2.5	2.3	2.3	12.7	5.0	21.3	
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	295,669 (12.9)	38.9	4.8	5.4	67.9	24.0	19.9	1.1	0.9	-2.6	-7.6	-	-19.0	
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	126,650 (5.5)	97.2	14.4	12.8	17.2	7.0	7.6	1.0	1.0	-6.9	-	11.4	16.2	-27.0
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	88,879 (3.9)	4.6	18.8	14.9	-51.0	14.1	15.9	1.9	1.9	-3.6	-6.6	-8.8	-5.4	
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	185,114 (8.1)	39.9	30.5	14.3	-11.9	3.3	5.9	0.9	0.8	0.9	0.0	-	18.5	-2.4
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	96,801 (4.2)	35.9	8.6	7.4	2.2	16.5	16.4	1.3	1.0	2.2	0.0	10.9	-4.6	
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	354,698 (15.5)	0.0	17.4	14.5	14.4	28.1	28.0	4.6	3.9	-2.6	2.2	18.5	14.8	
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	135,529 (5.9)	0.0	20.3	16.6	2.4	20.9	20.8	3.7	3.0	-3.7	5.8	14.9	23.6	
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	10,894 (0.5)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-6.8	-5.8	29.4	-20.0	
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	152,736 (6.7)	30.3	21.5	18.2	-75.2	29.7	27.6	6.1	4.7	5.1	17.1	17.3	69.5	
Chăm sóc sức khỏe	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	68,416 (3.0)	34.6	11.4	12.9	41.2	35.0	25.3	3.3	2.8	-2.3	11.0	11.8	19.9	
	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	3,540 (0.2)	45.4	17.0	15.6	10.7	20.1	19.9	3.1	2.9	0.0	0.0	-6.3	-9.7	
IT	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-	
	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	355,379 (15.5)	0.0	20.2	16.1	15.5	27.3	29.5	4.9	4.2	-3.0	2.0	17.8	20.4	

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

---

**Nguyễn Xuân Bình**  
Giám đốc Khối Phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích Doanh nghiệp

**Dương Đức Hiếu**  
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp  
hieudd@kbsec.com.vn

**Nguyễn Anh Tùng**  
Chuyên viên cao cấp – Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán  
tungna@kbsec.com.vn

**Phạm Hoàng Bảo Nga**  
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng  
ngaphb@kbsec.com.vn

**Lương Ngọc Tuấn Dũng**  
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng  
dunglnt@kbsec.com.vn

**Tiêu Phan Thanh Quang**  
Chuyên viên phân tích – Dầu khí & Tiện ích  
quangtpt@kbsec.com.vn

**Nguyễn Đức Huy**  
Chuyên viên phân tích – Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán  
huynd1@kbsec.com.vn

**Khối Phân tích**  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

**Trần Đức Anh**  
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư  
anhtd@kbsec.com.vn

**Lê Hạnh Quyên**  
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng  
quyenlh@kbsec.com.vn

**Thái Hữu Công**  
Chuyên viên phân tích – Chiến lược, Hóa chất  
congth@kbsec.com.vn

**Trần Thị Phương Anh**  
Chuyên viên phân tích – Chiến lược, Thủy sản & Dệt may  
anhhttp@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

**Nguyễn Cẩm Thơ**  
Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

**Nguyễn Thị Hương**  
Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656  
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276  
Email: ccc@kbsec.com.vn  
Website: www.kbsec.com.vn

## Hệ thống khuyến nghị

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.